TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B L** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B L - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

2. Ông Nguyễn Thanh An.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B L, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hà Thảo Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 2, xã **T H**, huyện B L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1967.

2.2. Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã **T H**, huyện B L, tỉnh Long An.

(Ông Dũng có đơn xin vắng mặt; **ông A**, **bà Kh** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Lê Văn D** trình bày:*

Ngày 03/6/2021 ông có cho vợ chồng ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** mượn số tiền 775.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là

ngày 16/6/2021, khi mượn tiền ông và vợ chồng **ông A**, **bà Kh** có làm "Giấy mượn tiền".

Đến hạn trả tiền, vợ chồng **ông A**, **bà Kh** không trả cho ông số tiền nợ 775.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu vợ chồng **ông A**, **bà Kh** có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông số tiền nợ gốc là 775.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B L, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Ông **Lê Văn D** có cho ông **Nguyễn Văn A** và bà **Lê Thị K** mượn số tiền 775.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn từ ngày 03/6/2021 đến ngày 16/6/2021, hợp đồng được lập thành văn bản bằng hình thức "Giấy mượn tiền". Quá trình thực hiện, bên cho vay thực hiện đúng nghĩa vụ giao số tiền 775.000.000 đồng cho bên vay nhưng đến hạn trả nợ thì bên vay không trả đủ tiền như thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản ngày 03/6/2021. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 775.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất: Ông Dũng yêu cầu **ông A**, **bà Kh** trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 17/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, hợp đồng vay tiền ngày 03/6/2021 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, trong hợp đồng không thể hiện việc thỏa thuận về lãi suất chậm trả cũng như không có chứng cứ chứng minh tại thời điểm trả nợ hai bên tự thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Do đó, ông Dũng yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 351, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Lê Văn D** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** trả số tiền 775.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 17/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã **T H**, huyện B L, tỉnh Long An. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn **ông A**, **bà Kh**.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của ông **Lê Văn D** yêu cầu ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** phải trả số tiền nợ vay 775.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" ngày 03/6/2021 do ông Dũng cung cấp thể hiện ngày 03/6/2021 **ông A**, **bà Kh** có mượn của ông Dũng số tiền 775.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là từ ngày 03/6/2021 đến ngày 16/6/2021, trong giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của ông **Nguyễn Văn A** và bà **Lê Thị K**, nên giữa ông **Lê Văn D** và ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** đã xác lập hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ, nhưng **ông A**, **bà Kh** không trả tiền nợ vay cho ông Dũng, việc **ông A**, **bà Kh** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm vào hợp đồng các bên đã xác lập.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn có ý kiến và cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên, bị đơn **ông A**, **bà Kh** vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ nêu trên. Trong khi đó theo Giấy yêu cầu xác minh ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện B L thì Công an xã **T H** xác nhận thông tin ông **Nguyễn Văn A** và bà **Lê Thị K** có hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã **T H**, huyện B L, tỉnh Long An và hiện tại đang sinh sống tại địa phương. Việc **ông A**, **bà Kh** vắng mặt và không phản đối những chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn ông Dũng đưa ra nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn xác định **ông A**, **bà Kh** còn nợ ông Dũng số tiền 775.000.000 đồng nhưng **ông A**, **bà Kh** không trả số tiền trên cho ông Dũng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu trả số tiền nợ vay của ông Dũng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Ông Dũng xác định trong giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất, trong quá trình mượn tiền **ông A**, **bà Kh** không trả cho ông Dũng bất cứ khoản tiền lãi nào, nên ông Dũng yêu cầu tính lãi từ ngày 16/6/2021 đến ngày 16/3/2023 với mức lãi suất 1,16%/tháng và tính lãi từ ngày 17/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện B L đối với ông **Lê Văn D** thì ông Dũng thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông Dũng yêu cầu tính lãi từ ngày 17/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Xét yêu cầu tính lãi của ông Dũng: Căn cứ "Giấy mượn tiền" ngày 03/6/2021 không thể hiện lãi suất, bị đơn ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ cũng như tiền lãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất được tính là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), tiền lãi được tính từ ngày 17/6/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 06/9/2023 là: 775.000.000 đồng x 10%/năm (0.83%/tháng) x 02 năm 02 tháng 20 ngày = 172.222.226 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi **ông A** và **bà Kh** phải liên đới trả cho ông Dũng là 947.222.226 đồng.

[2.4] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc ông **Nguyễn Văn A** và bà **Lê Thị K** phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho ông **Lê Văn D** theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 36.000.000 đồng + (147.222.226 đồng x 3%) = 40.416.667 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn D** đối với ông **Nguyễn Văn A**, bà **Lê Thị K** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông **Nguyễn Văn A** và bà **Lê Thị K** phải liên đới trả cho ông **Lê Văn D** số tiền 947.222.226 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông **Nguyễn Văn A** và bà **Lê Thị K** phải liên đới chịu 40.416.667 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B L;
- THADS huyện B L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo